TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST.
Ngày: 19 - 02- 2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguỵ Thanh Tuyên;

Ông Cao Văn Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS, ngày 02 - 01- 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Tiến A; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Bị đơn*: Anh Lã Văn G; địa chỉ: Xóm S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Người làm chứng*: Chị Phùng Thị M; địa chỉ: Xóm S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14- 9- 2025, Bản tự khai cùng các lời khai khác tại Toà án, nguyên đơn anh Trần Tiến A trình bày:

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 anh Lã Văn G có viết giấy đặt cọc, với nội dung bán cho anh (Trần Tiến A) chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu MISUBISHI loại xe

XPANDER với, giá bán là 350.000.000 đồng. Anh G đã nhận đặt cọc của anh Tiến A số tiền 45.000.000 đồng, thoả thuận phạt cọc 10.000.000 đồng. Sau đó, anh G tự huỷ bỏ thoả thuận, không bán xe nữa và trả lại cho anh số tiền đặt cọc 45.000.000 đồng. Nay anh đề nghị Toà án buộc anh G phải chịu trách nhiệm trả cho anh số tiền phạt cọc 10.000.000 đồng.

Về phía bị đơn là anh Lã Văn G: Tòa án đã giao các văn bản tố tụng theo quy định đối với anh G nhưng anh G không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm.

Người làm chứng là chị Phùng Thị M (vợ anh G): Chị thừa nhận chồng chị có nhận đặt cọc số tiền 45.000.000 đồng để bán xe như anh Trần Tiến A trình bày. Anh G không bán xe cho anh Tiến A nữa và đã trả lại cho anh Tiến A số tiền 45.000.000 đồng; anh Tiến A đã viết giấy và thống nhất với vợ chồng chị là không "kiện cáo" gì. Tuy nhiên sau đó anh Tiến A lại đòi phạt cọc và xé giấy. Vì vậy, chồng chị (Lã Văn G) không nhất trí trả số tiền phạt cọc như yêu cầu của anh Tiến A.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa cũng đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Trần Tiến A xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lã Văn G được triệu tập hợp lệ hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa vì vậy có căn cứ xét xử vắng mặt đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 117, 119 và 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tiến A đối với anh Lã Văn G; buộc anh Lã Văn G có trách nhiệm trả anh Trần Tiến A số tiền phạt cọc 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Trần Tiến A có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lã Văn G được triệu tập hợp lệ hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là có cơ sở và phù hợp.

[2] Nguyên đơn anh Trần Tiến A yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền phạt cọc theo Hợp đồng đặt cọc. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" là phù hợp.

[3] Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố dụng dân sự năm 2015 quy định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng

minh cho sự phản đối đó". Nay anh Lã Văn G không đưa ra căn cứ chứng minh để phản đối yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Tiến A về Hợp đồng đặt cọc. Vì vậy, căn cứ vào Hợp đồng đặt cọc đề ngày 27- 6- 2024 của anh Lã Văn G đối với anh Trần Tiến A và các tài liệu, chứng cứ hợp pháp khác, có đủ cơ sở xác định: Giữa anh Lã Văn G và anh Trần Tiến A có xác lập Hợp đồng đặt cọc để mua bán xe ô tô của Lã Văn G, số tiền đặt cọc 45.000.000 đồng, ai vi phạm Hợp đồng thì bị phạt cọc 10.000.000 đồng - Hợp đồng đặt cọc này là hợp pháp. Anh Lê Văn G1 đã vi phạm Hợp đồng đạt cọc, đã trả lại số tiền đặt cọc nhưng chưa trả số tiền phạt cọc 10.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tiến A là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 117, 119 và 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 của Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Tiến A đối với bị đơn là anh Lã Văn G về tranh chấp Hợp đồng đặt cọc; buộc anh Lã Văn G phải trả cho anh Trần Tiến A số tiền phạt cọc 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc anh Lã Văn G phải nộp số tiền án phí 500.000 đồng. Trả lại anh Trần Tiến A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004860 ngày 14- 11- 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự: 03 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Lưu: 02 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên